



CÔNG TY CP – TỔNG CÔNG TY NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG  
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - P. Phú Thọ - Tp. TDM - Tỉnh Bình Dương  
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522  
Website: [www.biwase.com.vn](http://www.biwase.com.vn) Email: [ptnctnmtbd@gmail.com](mailto:ptnctnmtbd@gmail.com)



## BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: NC 11/18.07.2024

Ngày phát hành kết quả: 23/07/2024

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một**
- Tên mẫu: Nước đã xử lý - Bể chứa Thủ Dầu Một
- Địa chỉ: Khu phố Chánh Lộc, phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương.
- Ngày lấy mẫu: 18 / 07 / 2024 Ngày phân tích: 18 / 07 / 2024
- Tình trạng mẫu: Mẫu nước được chứa trong bình 2 lít, nước trong, không màu, không mùi vị lạ.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Độ pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	7,05
2	Mùi, vị	-	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1.000	126
4	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	≤ 2	0,67
5	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	3
6	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO <sub>3</sub>	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	62
7	Hàm lượng Clorua (Cl)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	26
8	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 - 1,0	0,4
9	Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )* (tính theo N)	mg/L	HACH Method 8038	≤ 0,3	0,1
10	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )* (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	≤ 0,05	KPH (LOD: 0,01 mg/L)
11	Hàm lượng Nitrate (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 2	0,75
12	Hàm lượng Sunphate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	37,36

13	Hàm lượng Sắt tổng (Fe <sub>tc</sub> )*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	0,03
14	Hàm lượng Nhôm (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,06
15	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,01
16	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,01
17	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	0,046
18	Chỉ số Pecmanganat*	mgO <sub>2</sub> /L	TCVN 6186:1996	≤ 2	1,44
19	<i>Coliform tổng</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 3	0
20	<i>E. coli</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0

\***Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2018/BYT.

\***Ghi chú:**

- + QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Giám Đốc

Mai Thị Đẹp